UBND TỈNH NINH THUẬN
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ**
**NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# DANH SÁCH GỌI TÊN VÀ GHI ĐIỂM
## THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - NĂM HỌC: 2019 - 2020 (Thi lần 2)

**Lớp: Kế toán doanh nghiệp B** **Khóa: 18** **Hệ: CAO ĐẲNG**

**Môn: Kinh tế vĩ mô**

**Ngày thi:**

| TT | Họ và | tên | Ngày sinh | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Phạm Thị | Thoa | 01/10/2000 | | | | | |

*Tổng số thí sinh: 01* *trong đó: Số thí sinh có mặt :*

*Số thí sinh vắng :*

Giám thị 1: Ký tên: Giám khảo 1: Ký tên:

Giám thị 2: Ký tên: Giám khảo 2: Ký tên:

UBND TỈNH NINH THUẬN
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ**
**NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# DANH SÁCH GỌI TÊN VÀ GHI ĐIỂM
# THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - NĂM HỌC: 2019 - 2020

**Lớp: Kế toán doanh nghiệp  Khóa: 19  Hệ: CAO ĐẲNG**

**Môn: Marketing**

**Ngày thi:**

| TT | Họ và | tên | Ngày sinh | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Lê Thị Minh | Anh | 22/05/1999 | | | | | |
| 2 | Trang Thảo | Dăn | 28/02/2001 | | | | | |
| 3 | Đạt Thị Mỹ | Diệm | 16/04/1999 | | | | | |
| 4 | Thái Thị Hồng | Hà | 11/10/2000 | | | | | |
| 5 | Phan Thị Thu | Hằng | 22/04/2001 | | | | | |
| 6 | Nguyễn Thị Hồng | Hạnh | 27/03/1999 | | | | | |
| 7 | Trương Thị Ngọc | Hòa | 28/12/2001 | | | | | |
| 8 | Trần Thị Kim | Hoàng | 08/12/2001 | | | | | |
| 9 | Lê Thị Tuyết | Hồng | 22/03/2000 | | | | | |
| 10 | Phan Thị Thanh | Hương | 09/04/1990 | | | | | |
| 11 | Lê Trần Bảo | Kim | 12/05/2000 | | | | | |
| 12 | Huỳnh Vũ | Linh | 14/12/1999 | | | | | |
| 13 | Hồ Thị Mỹ | Linh | 16/09/1999 | | | | | |
| 14 | Lê Thị | Loan | 21/09/2001 | | | | | |
| 15 | Nguyễn Thị Kiều | My | 15/06/1999 | | | | | |
| 16 | Nguyễn Thị | Ngàn | 18/04/2001 | | | | | |
| 17 | Lượng Thị | Nghiêm | 05/09/2000 | | | | | |
| 18 | Lê Trần Mỹ | Nguyên | 19/08/2001 | | | | | |
| 19 | Trần Thị Thanh | Nhàn | 06/02/2001 | | | | | |
| 20 | Lê Nguyễn Vĩ | Nhân | 20/11/1991 | | | | | |
| 21 | Bùi Phương | Như | 05/08/2001 | | | | | |
| 22 | Nguyễn Ngọc | Quý | 09/01/1999 | | | | | |
| 23 | Phạm Thị Minh | Thi | 02/04/2000 | | | | | |
| 24 | Trương Thanh | Thi | 23/04/2001 | | | | | |
| 25 | Hồ Thị Như | Thiện | 17/12/2000 | | | | | |
| 26 | Dương Quốc | Thịnh | 11/06/2001 | | | | | |
| 27 | Võ Anh | Thư | 24/11/2000 | | | | | |
| 28 | Nguyễn Thị Hoài | Thương | 09/08/2001 | | | | | |
| 29 | Thành Ngọc Linh | Thy | 07/10/1996 | | | | | |
| 30 | Nguyễn Thị Ngọc | Trâm | 11/12/2001 | | | | | |
| 31 | Phạm Phúc Thùy | Trâm | 12/05/2000 | | | | | |
| 32 | Trần Thị Kim | Trâm | 25/10/2001 | | | | | |
| 33 | Huỳnh Thị Uyên | Trâm | 03/12/1999 | | | | | |
| 34 | Trần Trần Huyền | Trang | 01/11/2000 | | | | | |
| 35 | Dỗ Thiên | Trúc | 15/12/1998 | | | | | |
| 36 | Nguyễn Thị Thanh | Trúc | 16/10/2001 | | | | | |
| 37 | Lê Thị Thanh | Thể | 24/09/1999 | | | | | |
| 38 | Trần Thị Ánh | Tuyết | 21/08/1991 | | | | | |
| 39 | Đàng Thị Thảo | Vy | 04/10/2001 | | | | | |

UBND TỈNH NINH THUẬN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ
NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# DANH SÁCH GỌI TÊN VÀ GHI ĐIỂM
## THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - NĂM HỌC: 2019 - 2020

**Lớp: Kế toán doanh nghiệp  Khóa: 17  Hệ: CAO ĐẲNG**

**Môn: Marketing**

**Ngày thi:**

| TT | Họ và | tên | Ngày sinh | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Kiều Thành | Công | 02/09/1994 | | | | | |
| 2 | Đinh Thị Kim | Phương | 27/07/1999 | | | | | |

*Tổng số thí sinh: 02*  *trong đó: Số thí sinh có mặt :*
*Số thí sinh vắng :*

Giám thị 1:  Ký tên:  Giám khảo 1:  Ký tên:
Giám thị 2:  Ký tên:  Giám khảo 2:  Ký tên:

UBND TỈNH NINH THUẬN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ
NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# DANH SÁCH GỌI TÊN VÀ GHI ĐIỂM
## THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - NĂM HỌC: 2019 - 2020 (Thi lần 2)

**Lớp: Quản trị khách sạn** **Khóa: 19** **Hệ: CAO ĐẲNG**

**Môn: Quản trị học**

**Ngày thi:**

| TT | Họ và | tên | Ngày sinh | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Bùi Hữu | Minh | 16/10/1999 | | | | | |

*Tổng số thí sinh: 01* *trong đó: Số thí sinh có mặt :*
*Số thí sinh vắng :*

Giám thị 1: Ký tên: Giám khảo 1: Ký tên:

Giám thị 2: Ký tên: Giám khảo 2: Ký tên:

UBND TỈNH NINH THUẬN
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ**
**NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# DANH SÁCH GỌI TÊN VÀ GHI ĐIỂM
## THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - NĂM HỌC: 2019 - 2020 (Thi lần 2)

**Lớp: Điện công nghiệp A** **Khóa: 19** **Hệ: TRUNG CẤP**

**Môn: Cung cấp điện 1**

**Ngày thi:**

| TT | Họ và | tên | Ngày sinh | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Phước | Đan | 20/10/2004 | | | | | |
| 2 | Đỗ Văn | Đức | 12/10/2001 | | | | | |

*Tổng số thí sinh: 2* *trong đó:* *Số thí sinh có mặt :*
*Số thí sinh vắng :*

Giám thị 1: Ký tên: Giám khảo 1: Ký tên:
Giám thị 2: Ký tên: Giám khảo 2: Ký tên:

UBND TỈNH NINH THUẬN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ
NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# DANH SÁCH GỌI TÊN VÀ GHI ĐIỂM
## THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - NĂM HỌC: 2019 - 2020 (Thi lần 2)

**Lớp: Nuôi trồng thủy sản  Khóa: 19  Hệ: CAO ĐẲNG**

**Môn: Thủy sinh vật**

**Ngày thi:**

| TT | Họ và | tên | Ngày sinh | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Trần Công | Nhật | 06/01/2001 | | | | | |

*Tổng số thí sinh: 1*  *trong đó: Số thí sinh có mặt :*
*Số thí sinh vắng :*

Giám thị 1:  Ký tên:  Giám khảo 1:  Ký tên:
Giám thị 2:  Ký tên:  Giám khảo 2:  Ký tên:

UBND TỈNH NINH THUẬN
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ
NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# DANH SÁCH GỌI TÊN VÀ GHI ĐIỂM
## THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN - NĂM HỌC: 2019 - 2020 (Thi lần 2)

**Lớp: Quản trị khách sạn  Khóa: 19  Hệ: TRUNG CẤP**

**Môn: Giao tiếp trong kinh doanh**

**Ngày thi:**

| TT | Họ và | tên | Ngày sinh | Chữ ký | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Trần Anh | Huy | 22/02/2004 | | | | | |
| 2 | Hà Thị Ngọc | Thảo | 12/05/2001 | | | | | |

*Tổng số thí sinh: 2*  *trong đó: Số thí sinh có mặt :*

*Số thí sinh vắng :*

Giám thị 1:  Ký tên:  Giám khảo 1:  Ký tên:

Giám thị 2:  Ký tên:  Giám khảo 2:  Ký tên: